TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NT** **TỈNH ĐỒNG NAI** Bản án số: 165/2023/HS-ST Ngày: 31-7-2023	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NT, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Đại.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Kim Xuyến;

Ông Hoài Đức Huệ.

- *Thư ký phiên toà*: Bà Đỗ Đình Linh Chi– Thư ký Toà án nhân dân huyện NT, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện NT tham gia phiên tòa:* Ông Đinh Tuấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023, tại điểm cầu T tâm - Trụ sở Tòa án nhân dân huyện NT, tỉnh Đồng Nai và điểm cầu thành phần – Phòng xét xử trực tuyến Nhà tạm giữ Công an huyện NT, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 170/2023/TLST-HS ngày 18 tháng 7 năm 2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 179/2023/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 7 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Bùi Văn H (tên gọi khác: **M**); Giới tính: Nam; Sinh năm 1989, tại tỉnh Đồng Nai; Nơi cư trú: khu phố PH, thị trấn Hiệp Phước, huyện NT, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không có; Trình độ học vấn: Lớp 5/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Bùi Xuân T, con bà Nguyễn Thị T; có vợ tên Võ Thị N và có 01 con sinh năm 2014; tiền sự: Không.

Tiền án:

- Năm 2012, bị Tòa án nhân dân huyện NT xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích", chấp hành án xong ngày 18/8/2016.

- Năm 2020 bị Tòa án nhân dân huyện NT xử phạt 02 năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", chấp hành án xong ngày 29/9/2021.

Về nhân thân: Năm 2015, bị Tòa án nhân dân huyện NT xử phạt 02 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 08/5/2023, và được chuyển tạm giam cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an huyện NT.

2. Đặng Quốc T; Giới tính: Nam; Sinh năm 1990, tại tỉnh Đồng Nai; Nơi cư trú: ấp QT, xã Phước A, huyện NT, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Lớp 08/12; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): không; Nghề nghiệp: không; Con ông Đặng Ch, con bà Trương Thị K; chưa có vợ con; Tiền án: Không; Tiền sự: Năm 2021, bị Tòa án nhân dân huyện NT ra quyết định áp dụng biện pháp xử xử hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, trong thời hạn 16 tháng. Nhân thân: Ngày 19/3/2015, bị Tòa án nhân dân huyện NT xử phạt 10 tháng tù giam về tội "Trộm cắp tài sản" đến ngày 04/7/2015 chấp hành xong bản án.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/5/2023, và được chuyển tạm giam cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an huyện NT.

- **Bị hại**: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1981. Địa chỉ: khu phố PK, thị trấn Hiệp Phước, huyện NT, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

- **Người làm chứng**: Chị Võ Thị Ng, sinh năm 1988; Địa chỉ: ấp Bàu B, xã Phước A, huyện NT, tỉnh Đồng Nai. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 09 giờ ngày 07/5/2023, Bùi Văn H rủ Đăng Quốc T đi trộm cắp tài sản, T đồng ý và điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 60C2-616.33 chở Bùi Văn H đến một đường hẻm ở khu phố PK, thị trấn Hiệp Phước, huyện NT, thì T nhìn thấy chiếc xe mô tô biển kiểm soát 66B1-250.27 của anh Phạm Văn T (sinh năm 1981), đang dựng ngoài đường hẻm trên xe có cắm chìa khóa, thấy không có người trông coi nên T dừng xe để Hòa đi bộ đến lấy chiếc xe biển kiểm soát 66B1-250.27 về phòng trọ của mình tại ấp Bà Trường, xã Phước A, huyện NT cất giấu và bàn bạc với T bán chiếc trên bán lấy tiền chia nhau, do T còn nợ Hòa số tiền là 4.000.000 đồng nên Hòa giữ lại chiếc xe mô tô trên cấn trừ số tiền 1.000.000 đồng. Sau đó, Hòa điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 60C2-616.33 chở T về nhà ở ấp QT, xã Phước A, huyện NT. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, Hòa đến Công an thị trấn Hiệp Phước đầu thú và giao nộp 02 xe mô tô biển kiểm soát 66B1-250.27 và xe mô tô biển kiểm soát 60C2-616.33. Riêng đối với Đặng Quốc T bỏ trốn khỏi địa phương. Đến ngày 27/5/2023, Đặng Quốc T đến Cơ quan điều tra Công an huyện NT đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 93/KLĐG-HĐĐG ngày 11/05/2023 của Hội đồng định giá tài sản huyện NT kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, biển số: 66B1-250.27 có giá trị: 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).

Vật chứng và tài sản thu giữ gồm: 01 xe mô tô hiệu Honda Wave, màu đen bạc biển kiểm soát 66B1-250.27; 01 xe mô tô hiệu Honda Vision, màu đỏ đen 60C2-616.33.

Xử lý vật chứng: 01 xe mô tô hiệu Honda Wave, màu đen bạc biển kiểm soát 66B1-250.27 là tài sản hợp pháp của bà Huỳnh Thị Ngọc Mai nên Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện NT giao trả lại đã trả cho bà Huỳnh Thị Ngọc Mai; 01 xe mô tô hiệu Honda Vision, màu đỏ đen 60C2-616.33 do bà Võ Thị Ng là chủ sở hữu cho Hòa mượn. Việc Hòa sử dụng chiếc xe để thực hiện hành vi phạm tội thì bà Ngoan không biết, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện NT giao trả lại cho bà Võ Thị Ng.

Tại Cáo trạng số 54/CT-VKSNT, ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện NT truy tố:

Bị cáo **Bùi Văn H** về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Bị cáo Đặng Quốc T về tội "Trộm cắp tài sản" quy định khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa Viện kiểm sát nhân dân huyện NT giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình phạt:

Xử phạt **Bùi Văn H** từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù.

Xử phạt **Đặng Quốc T** 01 (một) năm 02 (hai) tháng đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù

Về án phí: Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm;

Về xử lý vật chứng: không có.

Trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, cơ quan truy tố; hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ

quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị hại:

Bị hại đã được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên lời khai của người này đã có trong quá trình điều tra, không ảnh hưởng đến việc xét xử nên căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt bị hại.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với chứng cứ lời khai tại cơ quan điều tra và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó có cơ sở để xác định: Vào lúc 9 giờ ngày 07/5/2023 tại đường hẻm ở khu phố PK, thị trấn Hiệp Phước, huyện NT, tỉnh Đồng Nai, Bùi Văn H và Đặng Quốc T đã thực hiện hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô biển kiểm soát 66B1-250.27 của anh Phạn Văn Tấn có trị giá là 4.000.000 (bốn triệu) đồng. Do đó, các bị cáo: Bùi Văn Hoà và Đặng Quốc T đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản".

[3] Xét về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bị hại là anh Phạm Văn T được pháp luật bảo vệ. Do đó, cần có biện pháp xử phạt thích hợp nhằm cải tạo và giáo dục các bị cáo có ý thức tuân thủ pháp luật.

Xét vai trò của các bị cáo thì thấy: Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Bị cáo Hoà và bị cáo T đều là người thực hành. Riêng bị cáo Hoà là người rủ rê T thực hiện hành vi phạm tội nên có vai trò cao hơn.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà các Bị cáo đã: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; tự nguyện ra đầu thú; Tài sản đã được thu hồi trả cho bị hại. Bị cáo T phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Vì vậy, bị cáo Hoà được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51; Bị cáo T được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015.

[6] Về xử lý vật chứng: Không có nên không xét đến.

[7] Về Trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm nên không xét đến.

[8] Về tội danh, điều luật, mức hình phạt đối với từng bị cáo của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng là phù hợp và có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Xét ý kiến tranh luận và lời nói sau cùng của các bị cáo: Các Bị cáo thống nhất với tội danh, điều luật áp dụng và mức hình phạt mà đại diện Viện

kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng và không có ý kiến tranh luận gì về tội danh cũng như về hình phạt, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các Bị cáo đều biết hành vi của mình là sai, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Ý kiến tranh luận và lời nói sau cùng của các bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Cần buộc các bị cáo mỗi người phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[11] Các Bị cáo, Bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng điều 326, Điều 327 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Tuyên bố các bị cáo: Bùi Văn Hoà và Đặng Quốc T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 17; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo **Bùi Văn H**: 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù giam. Thời hạn tù được tính từ ngày 08/5/2023.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điều 17; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo **Đặng Quốc T**: 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù giam. Thời hạn tù được tính từ ngày 27/5/2023.

- **Về Trách nhiệm dân sự:** Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu khác nên không xem xét.

- **Về án phí:** Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Buộc các bị cáo Bùi Văn Hoà và Đặng Quốc T mỗi người phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- **Về quyền kháng cáo**: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Các bị cáo Bùi Văn Hoà và Đặng Quốc T có quyền kháng cáo trong hạn 15

ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Bị cáo; Bị hại;
- VKSND huyện NT;
- TAND,VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THA dân sự huyện NT;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện NT;
- Cơ quan THA HS có thẩm quyền;
- Sở tư pháp;
- Lưu HS, VP.

Đã ký

Lê Văn Đại